

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2025/HNGĐ - ST**

Ngày: 14 - 7 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Bích

bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: bà Lò Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: bà Khả Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Minh V, sinh ngày 27/01/1983.

Số định danh cá nhân: 001083052098

Hộ khẩu thường trú: xóm Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ (xóm Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình cũ).

Nơi ở hiện nay: số B, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Osaka, Nhật Bản.

Người đại diện ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn: ông Đặng Hồng S, sinh năm 2001 và ông Trần Mạnh C, sinh năm 2003. Cùng địa chỉ: I T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: chị Trương Thị T, sinh ngày 06/9/1987.

Số định danh cá nhân: 017187016369

Hộ khẩu thường trú: xóm Đồng Quýt, xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ (xóm Đồng Quýt, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình cũ).

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Viết B, sinh ngày 15/5/1957, số định danh cá nhân: 001057033032 và bà Trịnh Thị Đ, sinh ngày 18/2/1962, số định danh cá nhân: 001162035015. Cùng địa chỉ: xóm Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ (xóm Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình cũ).

(Anh V, ông B và bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Minh V trình bày: ngày 06/10/2005, anh Vũ Minh V và chị Trương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không hòa hợp do tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau, đời sống vợ chồng lạnh nhạt. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Năm 2018, chị Trương Thị T đi làm việc tại Nhật Bản. Đến năm 2019, anh Vũ Minh V cũng sang Nhật Bản để làm việc nhưng không sống cùng một nơi, điều kiện công việc bận rộn, khoảng cách xa xôi khiến anh V và chị T càng không có cơ hội gần gũi, chăm sóc nhau, lâu ngày tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt. Nay anh V xác định tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn chị T. Về con chung, anh V và chị T có hai con chung là Vũ Tiến H, sinh ngày 23/3/2006 và Vũ Tiến H1 sinh ngày 12/01/2008. Hiện nay cháu Vũ Tiến H đã đủ 18 tuổi chỉ còn cháu H1 là chưa đủ 18 tuổi. Nếu vợ chồng ly hôn, anh V đề nghị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 trưởng thành. Trong thời gian anh V ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu H1 cho bố mẹ đẻ của anh V là ông Vũ Viết B và bà Trịnh Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh V quay trở về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, ủy quyền cho anh S và anh C đại diện nộp hồ sơ ly hôn, chi phí tố tụng, ký nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho (bao gồm cả bản án) và bàn giao lại cho anh V.

Bị đơn Trương Thị T không có mặt tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản, Tòa án đã tiến hành xác minh người thân thích và đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị T.

Công văn 151/PA08 ngày 23/5/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh Hòa Bình đã cung cấp thông tin: lần gần nhất, trường hợp Trương Thị T đã được Cục Q1 - Bộ C1 cấp hộ chiếu số P03471581 ngày 05/3/2024 và đã sử dụng hộ chiếu trên để xuất nhập cảnh nhiều lần, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Biên bản xác minh ngày 19/5/2025 và ngày 26/6/2025, bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ của chị T) cho biết: anh V và chị T đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn, chị T chuyển về nhà chồng sinh sống. Do anh V và chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên mẫu thuẫn vợ chồng, bà X không nắm được. Nay anh V xin ly hôn chị T, bà X đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật vì bà X không can thiệp vào việc của anh V và chị T. Bà X không biết địa chỉ cụ thể của chị T tại Nhật Bản. Về con chung, bà X không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Vũ Viết B và bà Trịnh Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án: Năm 2005, anh V và chị T đăng ký kết hôn, thời gian đầu về chung sống với gia đình ông bà, sau đó hai vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng thì thoảng có mâu thuẫn. Năm 2018, chị T đi xuất khẩu lao động, năm 2019 anh V đi xuất khẩu, cả hai anh chị đều sang N nhưng địa chỉ cụ thể của anh V và chị T, ông bà không biết. Nay anh V xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông bà là bố mẹ không can thiệp vào vấn đề này. Đối với con chung giữa anh V và chị T có hai cháu là cháu Vũ Tiến H, sinh ngày 23/3/2006 (đã trưởng thành) và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 12/01/2008 mới hơn 17 tuổi. Do đó nếu Tòa án giải quyết cho anh V và chị T ly hôn, trong trường hợp Tòa án giao cháu Vũ Tiến H1 cho anh Vũ Minh V chăm sóc, nuôi dưỡng thì trong thời gian anh V ở nước ngoài, ông bà nhất trí sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 thay anh V cho đến khi anh V trở về Việt Nam, trong thời gian nuôi dưỡng thì tiền cấp dưỡng do vợ chồng ông bà và anh V tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh V, xử cho anh Vũ Minh V được ly hôn với chị Trương Thị T. Về con chung, giao cháu Vũ Tiến H1, sinh năm 2008 cho anh Vũ Minh V trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Vũ Minh V ở Nhật Bản thì ông B và bà Đ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu H1. Về cấp dưỡng: chưa ai có yêu cầu nên không đề cập xử lý. Về tài sản chung và công nợ chung:

không yêu cầu nên không đề cập xử lý. Về án phí: anh Vũ Minh V tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của ĐạiViện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Anh Vũ Minh V xin ly hôn chị Trương Thị T và đề nghị được nuôi con chung. Chị T và anh V có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ), hiện đang ở Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con để thụ lý và giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ – HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2]. Tại phiên tòa, anh V, ông B, bà Đ có đơn xin xét xử vắng. Chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Minh V và chị Trương Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ) là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp ở tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Năm 2018, chị Trương Thị T đi làm việc tại Nhật Bản. Đến năm 2019, anh V cũng sang Nhật Bản để làm việc nhưng không sống cùng một nơi, anh V cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở đâu, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại. Do điều kiện công việc bận rộn, khoảng cách xa xôi khiến anh V và chị T càng không có cơ hội gần gũi, chăm sóc lẫn nhau, lâu ngày tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt. Như vậy hôn nhân giữa anh V và chị T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh V được ly hôn với chị T.

[2.2]. Về con chung: anh V và chị T có 02 con chung là cháu Vũ Tiến H, sinh ngày 23/3/2006 và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 12/01/2008. Nay cháu H đã trưởng

thành chỉ còn phải chăm sóc cháu H1 nên khi ly hôn anh V có nguyện vọng được nuôi cháu H1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng, trong thời gian anh V ở Nhật Bản thì tạm giao cháu H1 cho ông B và bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B và bà Đ nhất trí nuôi dưỡng cháu H1 trong thời gian anh V ở nước ngoài. Cháu H1 có đề nghị được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy: để việc nuôi dưỡng con chung được đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, ông B, bà Đ nên cần giao cháu Vũ Tiến H1 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh V ở Nhật Bản thì tạm giao cho ông Vũ Viết B, bà Trịnh Thị Đ là ông bà nội của cháu sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Tiến H1 thay anh V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, trong thời gian chăm sóc cháu Vũ Tiến H1 thay anh V, ông B, bà Đ và anh V tự thỏa thuận việc cấp dưỡng, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: anh Vũ Minh V tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ – HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Minh V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Minh V được ly hôn với chị Trương Thị T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 12/01/2008 cho anh Vũ Minh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi nuôi con chung. Trong thời gian anh

V ở Nhật Bản, tạm giao cho ông Vũ Viết B và bà Trịnh Thị Đ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Tiến H1 thay anh Vũ Minh V.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh V không yêu cầu chị Trương Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chăm sóc cháu Vũ Tiến H1 thay anh V, ông B, bà Đ và anh V tự thỏa thuận việc cấp dưỡng, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được phép cản trở.

2. Về án phí: anh Vũ Minh V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004836 ngày 15/5/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ). Anh Vũ Minh V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Minh V và chị Trương Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông B và bà Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu TH, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu